

# VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Tiếp đà tăng trưởng, hướng về đỉnh mới

---

**Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Đồng Thanh Tuấn

[tuân.dt@miraeasset.com.vn](mailto:tuân.dt@miraeasset.com.vn)

## [Tóm tắt]

### Thế giới

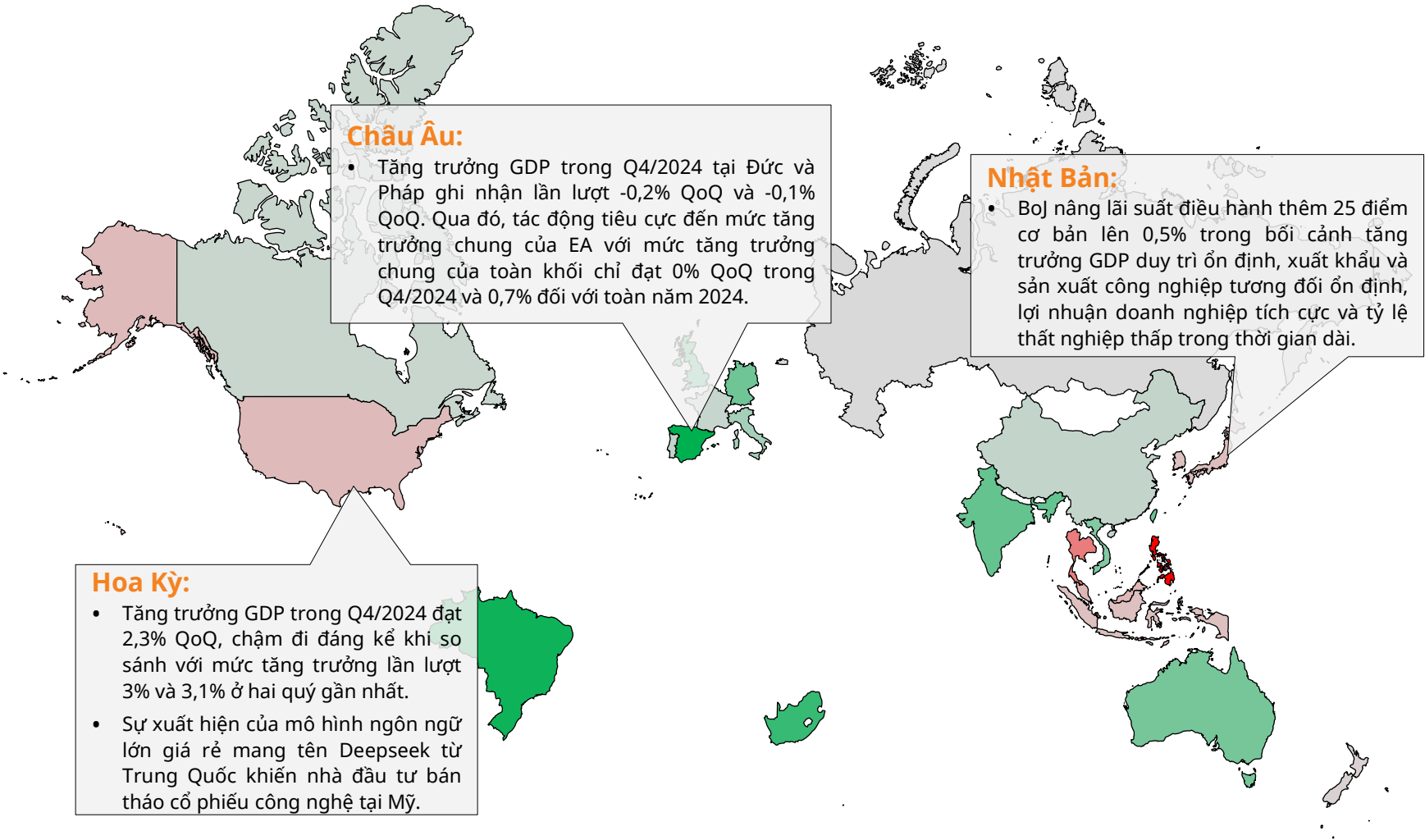
- **Thị trường chứng khoán:** Sự xuất hiện của mô hình ngôn ngữ lớn với chi phí đầu tư thấp mang tên Deepseek đến từ Trung Quốc đã khiến nhiều nhà đầu tư chất vấn về tính hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) cùng các khoản đầu tư hàng tỷ USD của các gã khổng lồ trong ngành như OpenAI và Meta dùng cho việc mua GPU từ NVIDIA. Qua đó, chứng khoán Mỹ đã có một tuần đầy biến động với chỉ số Nasdaq giảm gần 3% trong phiên giao dịch ngày 27/01.
- **Chính sách tiền tệ:** Sự phân hóa giữa Nhật Bản và phần còn lại của thế giới càng trở nên hiện hữu. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản nâng lãi suất lên 0,5% trong khi Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), Ngân hàng Trung ương Canada (BoC) và Ngân hàng Thụy Điển (Riksbank) đều hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong tuần qua. Trong bối cảnh các hoạt động kinh tế dần suy yếu ở phần còn lại của thế giới (ngoại trừ Mỹ), cắt lãi suất được xem là hành động tiên quyết giúp thúc đẩy tăng trưởng nhưng không thể lạm dụng quá mức khi lạm phát vẫn còn đang dai dẳng.
- **Tăng trưởng:** Tăng trưởng GDP của Mỹ trong năm 2024 đạt 2,8% YoY với tốc độ tăng trưởng GDP trong Q4 đã chậm lại đáng kể do sức ép đến từ sự sụt giảm trong hoạt động đầu tư tư nhân. Trong khi đó, tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro (EA) trong 2024 đạt 0,7% khi các đầu tàu kinh tế như Đức và Pháp đều ghi nhận tăng trưởng âm trong Q4/2024.

### Việt Nam

- Bối cảnh vĩ mô ổn định trong các phiên giao dịch trước thềm Tết Nguyên Đán đã giúp chỉ số sàn HOSE thuận lợi tăng điểm ở hai tuần gần nhất với VN-Index đóng cửa tại 1.265,08 điểm với mức tăng gần 16 điểm so với tuần trước đó. Trong đó, Ngân hàng tiếp tục là điểm nhấn của tuần với mức đóng góp gần 11 điểm đến diễn biến tích cực chung của thị trường; bên cạnh là diễn biến tích cực đến từ một số cổ phiếu riêng lẻ như FPT, MWG, MSN, và FRT.
- Ngoài ra, sắc xanh lan tỏa gần như đến toàn bộ các nhóm ngành đồng thời giúp thanh khoản dần được cải thiện với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt 9,6 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Dù vậy, diễn biến tích cực trong tuần qua phần lớn đến từ hoạt động cơ cấu của Tự doanh và Khối ngoại khi ghi nhận giá trị mua ròng tương đối lớn đối với cổ phiếu LPB sau khi cổ phiếu nhận thông tin sẽ chính thức thay thế vị trí của POW trong rổ VN30.
- Trong đó, nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước đã mua ròng tổng thể 3,34 nghìn tỷ đồng; riêng Tự doanh mua ròng 1,8 nghìn tỷ đồng. Khối ngoại đồng thời chuyển sang mua ròng dù giá trị giải ngân có phần khiêm tốn chỉ 0,12 nghìn tỷ đồng; chủ yếu xoay quanh LPB, HDB và SSI.
- **Triển vọng:** Trong kịch bản tích cực, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm và chinh phục vùng đỉnh gần nhất tại 1.280 điểm với động lực chính sẽ xoay quanh nhóm Ngân hàng và Bán lẻ. Ở chiều ngược lại, các nhịp giảm điểm nhỏ sẽ là một yếu tố cần thiết giúp củng cố đà tăng trong trung hạn đối với chỉ số sàn HOSE. Đối với kịch bản này, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 1.250 điểm.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,265.05	1.28%
Mỹ	SPX	6,101.24	-1.00%
Canada	TSX	25,468.49	0.25%
Nhật	NKY	39,931.98	-0.90%
Trung Quốc	SHCOMP	3,252.63	0.33%
Hồng Kông	Hang Seng	20,066.19	2.46%
Đài Loan	TWSE	23,525.41	1.63%
Hàn Quốc	KOSPI	2,536.80	-0.77%
Ấn Độ	SENSEX	76,190.46	1.72%
Indonesia	JCI	7,166.06	-0.79%
Thái Lan	SET	1,354.07	-2.92%
Singapore	STI	3,804.26	1.36%
Malaysia	FBMKLCI	1,573.73	-1.07%
Philippines	PSEi	6,296.20	-6.89%
UK	FTSE 100	8,502.35	2.02%
Pháp	CAC 40	7,927.62	0.28%
Đức	DAX	21,394.93	1.58%
Nga	MOEX	2,948.10	0.00%
Úc	ASX 200	8,408.87	1.47%
New Zealand	NZX 50	13,024.70	-0.23%



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới ngày 02/02/2025.  
Ghi chú: Dữ liệu đối với thị trường Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan được cập nhật đến ngày 24/01/2025.

# ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu	
	<div>TÍCH CỰC</div> <div>TIÊU CỰC</div>
Mỹ	<div><ul style="list-style-type: none"><li>Hoạt động sản xuất tại Mỹ tích cực hơn trong tháng 1/2025 khi PMI Sản xuất (S&amp;P Global) tăng từ 49,4 lên 50,1 điểm sau khi duy trì trong vùng thắt chặt (PMI &lt; 50) ở sáu tháng trước đó. Báo cáo của S&amp;P Global đồng thời chỉ ra số lượng lao động đã liên tục tăng trong ba tháng gần nhất và chuỗi cung ứng nhìn chung đã trở nên bận rộn hơn với số đơn đặt hàng mới đã tăng trưởng trở lại.</li><li>Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) duy trì lãi suất liên bang (FFR) tại 4,5%, phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường.</li><li>Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng tốc từ 2,4% lên 2,6% YoY trong tháng 12 trong khi PCE cơ bản ổn định tại 2,8% YoY.</li></ul></div> <div><ul style="list-style-type: none"><li>Trái ngược với Sản xuất, PMI Dịch vụ (S&amp;P Global) giảm mạnh từ 56,8 về 52,8 điểm trong tháng 1 trong bối cảnh sản lượng đầu ra ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất trong chín tháng gần nhất.</li><li>Tăng trưởng GDP trong Q4/2024 đạt 2,3% QoQ, chậm đi đáng kể khi so sánh với mức tăng trưởng lần lượt 3% và 3,1% ở hai quý gần nhất. Trong đó, tăng trưởng trong Q4 chủ yếu được dẫn dắt bởi hoạt động chi tiêu của người tiêu dùng và chính phủ khi lần lượt ghi nhận tăng trưởng 4,2% và 2,5% trong khi được cân bằng bởi mức sụt giảm 5,6% trong hoạt động đầu tư tư nhân. Nhìn chung, GDP của Mỹ tăng trưởng 2,8% trong năm 2024, dù có thấp hơn so với mức tăng trưởng 2,9% trong năm 2023.</li><li>Tổng thống Donald Trump ký ba sắc lệnh hành pháp nhằm gia tăng mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đến từ Mexico, Canada và Trung Quốc. Mức thuế tăng thêm đối với Mexico và Canada là 25% trong khi hàng hóa Trung Quốc chịu mức tăng thêm là 10%.</li></ul></div> <div><p><b>Đánh giá:</b> Thương chiến sẽ là một ẩn số khó lường đối với Mỹ ở bối cảnh hiện tại khi áp thuế lên hàng hóa đến từ Mexico, Canada và Trung Quốc sẽ có khả năng làm tăng giá các mặt hàng trong nước, thu hẹp biên lợi nhuận của các nhà sản xuất cần phải nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cũng như tăng chi phí đối với các mặt hàng nhu yếu phẩm đến xăng dầu; qua đó gia tăng áp lực lạm phát và làm chậm lộ trình hạ lãi suất của Fed, vốn đã gặp nhiều thách thức bởi lạm phát dai dẳng đến từ hoạt động dịch vụ và tốc độ tăng trưởng kinh tế đang dần chậm đi.</p></div>
Châu Âu	<div><ul style="list-style-type: none"><li>PMI Sản xuất (HCOB) tại Đức và Pháp đều được cải thiện đáng kể trong tháng đầu tiên của năm 2025 dù nhìn chung hoạt động sản xuất vẫn trong trạng thái thắt chặt khi duy trì dưới mốc 50 điểm. PMI Sản xuất (HCOB) đối với khu vực đồng Euro (EA) cải thiện từ 45,1 lên 46,1 điểm.</li><li>PMI Sản xuất và Dịch vụ tại UK (S&amp;P Global) cải thiện trong tháng 1/2025 và đạt lần lượt 48,2 điểm (T12/2024: 47) và 51,2 điểm (T12/2024: 51,1).</li><li>Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) giảm lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất tiền gửi qua đêm (DFR) về 2,75% và lãi suất tái cấp vốn (MFR) về 2,9%. Nhìn chung, ECB đã có 5 lần hạ lãi suất kể từ tháng 6/2024.</li></ul></div> <div><ul style="list-style-type: none"><li>Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh tăng từ 4,3% lên 4,4% trong tháng 12 do ảnh hưởng của bối cảnh lạm phát vẫn còn dai dẳng và chỉ số niềm tin doanh nghiệp chạm đáy thấp nhất trong 18 tháng qua (theo đánh giá của Lloyds Bank). Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp tại Đức tăng từ 6,1% lên 6,2% trong tháng 12 trong bối cảnh hoạt động kinh tế chung vẫn chưa hoàn toàn khởi sắc.</li><li>Tăng trưởng GDP trong Q4/2024 tại Đức và Pháp ghi nhận lần lượt -0,2% QoQ và -0,1% QoQ, ghi nhận sự sụt giảm đáng kể so với Q3. Qua đó, tác động tiêu cực đến mức tăng trưởng chung của EA với mức tăng trưởng chung của toàn khối chỉ đạt 0% QoQ trong Q4/2024 và 0,7% đối với toàn năm 2024 (0,8% khi xét riêng cho nhóm EU).</li></ul></div> <div><p><b>Đánh giá:</b> Hoạt động sản xuất và dịch vụ tại Châu Âu vẫn chưa ghi nhận nhiều điểm sáng; đặc biệt khi các đầu tàu kinh tế như Đức và Pháp vẫn đang chật vật cùng bất ổn chính trị và tỷ lệ thất nghiệp vẫn đang có xu hướng gia tăng kể từ 2023.</p></div>

# ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

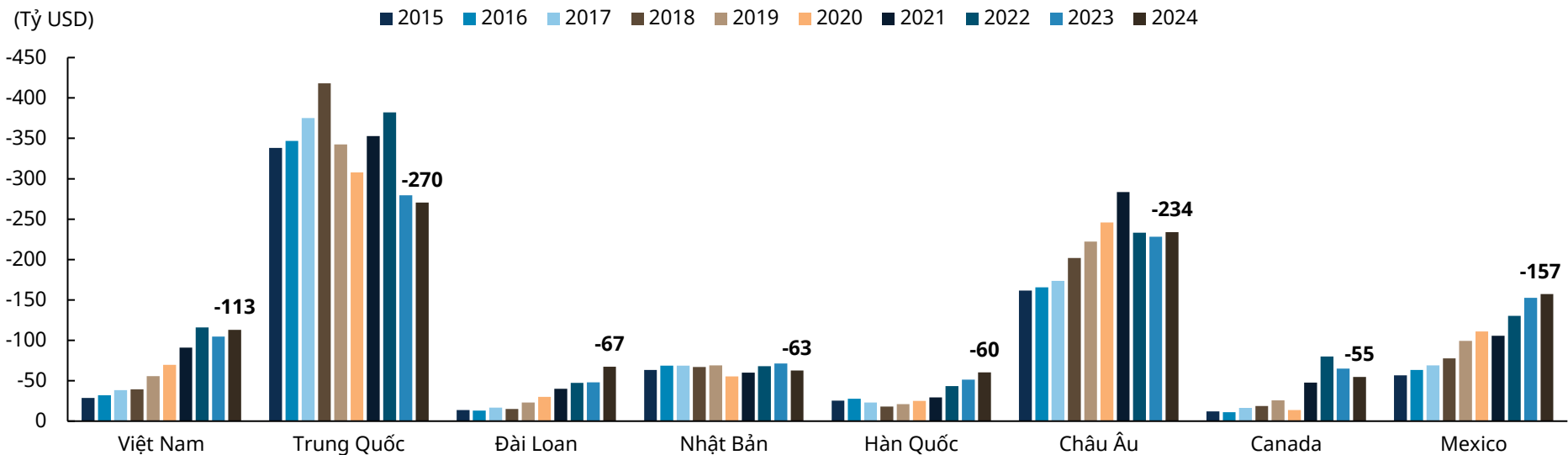
Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu	
	<div>TÍCH CỰC</div> <div>TIÊU CỰC</div>
Nhật Bản	<div><ul style="list-style-type: none"><li>Số đơn hàng máy móc tăng trưởng 10,3% YoY (T10: +5,6% YoY) và 3,4% MoM (T10: +2,1% MoM) trong tháng 11 trong bối cảnh các nhà sản xuất gia tăng đầu tư trước khi lạm phát cao và động thái tăng lãi suất của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản bắt đầu có tác động đến giá hàng hóa và môi trường kinh doanh.</li><li>Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 2,5% về 2,4% trong tháng 12.</li><li>Doanh số bán lẻ tiếp tục bùng nổ trong tháng 12 với mức tăng trưởng đạt 3,7% YoY (T11: +2,8% YoY).</li></ul></div> <div><ul style="list-style-type: none"><li>Lạm phát tiếp tục tăng tốc trong tháng 12 với CPI đạt 3,6% YoY (T11: +2,9% YoY) cùng với CPI cơ bản tăng tốc từ 2,7% lên 3% YoY; tiếp tục củng cố quan điểm điều hâu đối với các quyết định tăng lãi suất của BoJ trong năm 2025.</li><li>BoJ nâng lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản lên 0,5% trong bối cảnh tăng trưởng GDP duy trì ổn định, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp tương đối ổn định, lợi nhuận doanh nghiệp tích cực và tỷ lệ thất nghiệp thấp trong thời gian dài.</li><li>Hoạt động xuất khẩu chậm lại trong tháng 12 với tăng trưởng đạt 2,8% YoY (T11: 3,8% YoY).</li></ul></div> <div>Đánh giá: Lạm phát liên tục tăng tốc cùng thị trường lao động vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt là những tiền đề phù hợp củng cố cho quan điểm điều hâu của BoJ. Nhiều tổ chức nghiên cứu hiện đang ghi nhận mức kỳ vọng chung đối với lãi suất của BoJ có khả năng sẽ tiếp tục tăng đến 0,7% - 1% trong năm nay.</div>
Khác	<div><ul style="list-style-type: none"><li>Ngân hàng Trung ương Canada (BoC) hạ lãi suất qua đêm thêm 25 điểm cơ bản về mức 3% trong kỳ họp chính sách tiền tệ đầu tiên của năm 2025, qua đó ghi nhận mức cắt lãi suất lần thứ 6 trong khi không đưa ra tín hiệu cụ thể tại các kỳ họp tiếp theo.</li><li>Ngân hàng Thụy Điển – Riksbank (Bank of Sweden) giảm lãi suất điều hành từ 2,5% về 2,25% vào tuần qua, ghi nhận mức hạ lãi suất lần thứ 6 kể từ tháng 5/2024.</li><li>Israel và Hamas đạt thỏa thuận ngừng bắn vào ngày 15/01/2025 và quá trình này sẽ được chia thành ba giai đoạn khác nhau nhằm chấm dứt xung đột ở Gaza. Giai đoạn 1 đã diễn ra thuận lợi vào tuần qua và giai đoạn 2 được dự kiến sẽ sớm diễn ra sau khi Thủ tướng Benjamin Netanyahu gặp Tổng thống Mỹ Donald Trump tại Hoa Kỳ vào ngày 03/02 nhằm thảo luận về Gaza và các con tin người Israel đang bị giam giữ.</li></ul></div> <div><ul style="list-style-type: none"><li>N/A</li></ul></div> <div>Đánh giá: N/A</div>

# ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

## Khởi đầu của Thương chiến 2.0

- **Làn sóng thương chiến mới chính thức khởi động với ba sắc lệnh hành pháp được ký bởi Tổng thống Donald Trump vào ngày 01/02/2025**, áp đặt thuế nhập khẩu 25% lên hàng hóa từ Mexico và Canada, đồng thời tăng thêm 10% thuế đối với Trung Quốc, với lý do chính liên quan đến vấn đề ma túy Fentanyl và nhập cư bất hợp pháp.
- Canada ngay lập tức công bố biện pháp trả đũa bằng việc áp thuế 25% lên các mặt hàng từ Mỹ có tổng trị giá 107 tỷ USD, có hiệu lực từ 04/02/2025; Mexico đang xây dựng kế hoạch đối phó toàn diện bao gồm cả biện pháp thuế quan và phi thuế quan; trong khi Trung Quốc chọn phương án ngoại giao bằng cách đưa vấn đề ra WTO để giải quyết.
- Đáng chú ý, quyết định hiện tại còn khiêm tốn hơn nhiều so với cam kết tranh cử trước đó của ông Trump (từng đe dọa áp 60% thuế với hàng Trung Quốc), cho thấy đây có thể là một "nước cờ chiến thuật" nhằm tạo đòn bẩy cho các cuộc đàm phán thương mại sắp tới. Tuy nhiên, việc gia tăng thuế quan đối với một quốc gia nhập siêu như Hoa Kỳ sẽ tạo ra những thách thức đáng kể bao gồm việc gia tăng mặt bằng giá cả hàng tiêu dùng, ô tô và xăng dầu trong nước; buộc doanh nghiệp phải lựa chọn giữa việc chuyển gánh nặng chi phí sang người tiêu dùng hoặc hy sinh biên lợi nhuận để duy trì khả năng cạnh tranh.
- Trong bối cảnh lạm phát dai dẳng hiện nay, thương chiến sẽ tạo áp lực đáng kể lên kế hoạch cắt giảm lãi suất của Fed và có thể làm chậm lộ trình nới lỏng tiền tệ. Đặc biệt, khi các động lực tăng trưởng chính của Hoa Kỳ (ngoại trừ tiêu dùng hộ gia đình) đang suy giảm từ Q4/2024, các chính sách nới lỏng kinh doanh và tín dụng của chính quyền Trump có thể sẽ không đủ để thúc đẩy làn sóng đầu tư mới từ doanh nghiệp. Điều này đặt ra những lo ngại về khả năng thương chiến sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát và kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ trong thời gian tới.

Danh sách các quốc gia có mức thâm hụt thương mại lớn đối với Hoa Kỳ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ US Census Bureau và Bloomberg, cập nhật tới 02/02/2025. Ghi chú: Dữ liệu đối với năm 2024 được tính lũy kế 11 tháng đầu năm 2024.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Tiền điện tử	Bitcoin	USD/BTC	99,734.10	-2.6%	-2.9%	1.5%	6.5%	131.7%	167.3%
	Vàng	USD/ozt	2,835.00	-0.4%	1.5%	6.8%	7.4%	38.7%	57.2%
Kim loại	Bạc	USD/ozt	32.27	-0.7%	3.9%	7.3%	10.3%	40.9%	44.1%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	804.00	0.0%	7.1%	5.4%	4.0%	-3.5%	-16.3%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	101.59	0.0%	0.3%	2.2%	-2.0%	-21.0%	-30.4%
	Đồng	USD/Lbs	4.28	-0.7%	-0.4%	5.0%	6.3%	11.6%	-4.3%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	1,043.70	1.6%	8.0%	10.1%	14.6%	14.6%	1.3%
	Paladi	USD/ozt	1,071.80	6.2%	6.6%	16.2%	17.8%	12.6%	-53.7%
	Nhôm	USD/tấn	2,595.30	-0.9%	-1.6%	4.1%	1.7%	16.2%	-14.9%
	Kẽm	USD/tấn	2,750.50	-1.4%	-2.7%	-4.8%	-7.7%	12.2%	-23.5%
	Ni-ken	USD/tấn	15,876.00	-1.9%	0.2%	5.1%	3.6%	-2.2%	-30.6%
	Dầu Thô WTI	USD/thùng	72.53	-0.3%	-2.9%	-0.9%	1.8%	0.3%	-18.0%
Năng lượng	Dầu Brent	USD/thùng	75.67	-0.3%	-2.4%	-1.1%	1.4%	-2.2%	-17.0%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	3.04	0.0%	-24.4%	-9.2%	-16.2%	45.9%	-35.5%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2.48	0.4%	1.5%	6.6%	7.3%	-4.6%	-8.7%
	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 gia	559.50	-1.2%	2.9%	5.7%	1.5%	-6.7%	-25.6%
Thực phẩm	Thóc	USD/CWT	13.85	-0.7%	-5.7%	-0.6%	-1.8%	-25.9%	-11.3%
	Yến mạch	USD/100 gia	347.50	-0.5%	-3.5%	7.8%	5.1%	-6.5%	-52.3%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 gia	482.00	-1.6%	-0.9%	6.9%	5.1%	8.9%	-21.9%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 gia	1,042.00	-0.2%	-1.3%	5.1%	3.1%	-13.0%	-32.6%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	46.11	2.5%	2.0%	15.5%	14.3%	2.0%	-29.9%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	301.10	-1.2%	-1.3%	-2.4%	-5.0%	-14.7%	-30.8%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	10,991.00	-1.9%	-5.4%	-5.0%	-4.8%	123.2%	308.6%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	377.85	1.2%	8.7%	18.6%	18.2%	96.9%	54.9%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	19.35	-0.6%	1.7%	-1.5%	0.5%	-19.0%	7.6%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	474.70	-1.0%	-0.3%	-6.2%	-4.6%	24.4%	227.2%
	Bê	USD/100 Lbs	204.60	0.0%	-0.1%	5.4%	5.6%	13.3%	44.5%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	84.18	0.0%	2.3%	4.2%	3.5%	11.6%	-2.6%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	275.73	-2.2%	-0.3%	4.4%	4.9%	10.2%	65.4%
	Gỗ	USD/MBF	592.00	0.0%	4.7%	9.1%	7.5%	6.0%	-42.2%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	199.30	1.0%	-1.1%	1.0%	2.9%	30.3%	14.2%
Khác	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	65.88	-0.6%	-2.6%	-2.6%	-3.7%	-24.4%	-48.4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới 02/02/2025.



# ① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

## Sự kiện vĩ mô thế giới chính sẽ công bố trong tuần

- Sau quyết định giữ nguyên lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ vào tuần trước, thị trường sẽ tiếp tục đón nhận các quan điểm khác nhau nhằm diễn giải về bối cảnh nền kinh tế, chính sách tiền tệ và tín hiệu xoay quanh lộ trình hạ lãi suất trong năm 2025 thể hiện qua 14 bài phát biểu khác nhau đến từ các quan chức Fed bao gồm Bostic, Musalem, Daly, Jefferson, Barkin, Goolsbee, Bowman, Waller, Kugler. Dù vậy, mức độ ảnh hưởng tại các bài phát biểu này sẽ không quá đáng kể đến thị trường.
- Lạm phát tại các nền kinh tế trọng điểm đang dần tăng tốc trở lại song phần lớn chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của giá dầu trong thời gian. Theo đó, **kỳ vọng chung đối với chỉ số CPI tại khu vực đồng Euro (công bố ngày 03/02) và Hàn Quốc (công bố ngày 08/02) dự kiến sẽ tiếp tục tăng tốc trong tháng 1**. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc tiếp tục duy trì lạm phát ở mức thấp trong bối cảnh các hoạt động kinh tế tại Trung Quốc vẫn chưa hoàn toàn khởi sắc.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ đã phần nào chậm lại trong Q4/2024 với động lực tăng trưởng chính đến từ hoạt động tiêu dùng trong nước. Tuy vậy, bức tranh chung về thị trường lao động vẫn chưa thực sự khởi sắc khi kỳ vọng chung vẫn cho thấy hoạt động tuyển dụng mới có thể sẽ không được cải thiện trong tháng 1; thể hiện qua **báo cáo số lượng việc làm hiện hữu - JOLTS (công bố vào ngày 04/02) và báo cáo việc làm phi nông nghiệp (NFP - công bố vào ngày 07/02)**.

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
3/2/25				
6:50 AM	JP	Biên bản tổng hợp ý kiến tại kỳ họp chính sách tiền tệ T1/2025		
7:30 AM	KR	Chỉ số PMI Sản xuất - S&P Global (T1)	49.0	48.5
8:45 AM	CN	Chỉ số PMI Sản xuất - Caixin (T1)	50.5	50.5
5:00 PM	EA	<b>CPI YoY (T1)</b>	<b>2.4%</b>	<b>2.5%</b>
	EA	<b>CPI cơ bản YoY (T1)</b>	<b>2.7%</b>	<b>2.6%</b>
10:00 PM	US	Chỉ số PMI Sản xuất - ISM (T1)	49.3	49.5
4/2/25				
10:00 PM	US	<b>Báo cáo về số lượng việc làm hiện hữu - JOLTS (T12)</b>	<b>8.098M</b>	<b>7.88M</b>
	US	Số đơn hàng tại nhà máy MoM (T12)	-0.4%	-1.0%
5/2/25				
6:00 AM	KR	<b>CPI YoY (T1)</b>	<b>1.9%</b>	<b>2.0%</b>
8:45 AM	CN	Chỉ số PMI Dịch vụ - Caixin (T1)	52.2	52.3
8:15 PM	US	<b>Báo cáo về thay đổi số lượng lao động - ADP (T1)</b>	<b>122K</b>	<b>150K</b>
10:00 PM	US	Chỉ số PMI Dịch vụ - ISM (T1)	54.1	54.3
6/2/25				
2:00 PM	DE	Số đơn hàng tại nhà máy MoM (T12)	-5.4%	2.5%
5:00 PM	EA	Doanh số bán lẻ MoM (T12)	0.1%	0.2%
	EA	Doanh số bán lẻ YoY (T12)	1.2%	1.7%
7:00 PM	GB	<b>Quyết định lãi suất của Ngân hàng Trung ương Anh (BoE)</b>	<b>4.75%</b>	<b>4.50%</b>
	GB	Báo cáo chính sách tiền tệ của BoE		
	GB	Biên bản họp của Ủy ban Chính sách Tiền tệ BoE		
8:30 PM	US	Năng suất lao động của các ngành phi nông nghiệp QoQ (Q4)	2.2%	1.7%
7/2/25				
6:30 AM	JP	Chỉ tiêu tiêu dùng của hộ gia đình MoM (T12)	0.4%	-0.5%
	JP	Chỉ tiêu tiêu dùng của hộ gia đình YoY (T12)	-0.4%	0.2%
8:30 PM	CA	Tỷ lệ thất nghiệp (T1)	6.7%	6.8%
	US	<b>Báo cáo việc làm phi nông nghiệp (T1)</b>	<b>256K</b>	<b>170K</b>
	US	<b>Tỷ lệ thất nghiệp (T1)</b>	<b>4.1%</b>	<b>4.1%</b>
	US	Tỷ lệ tham gia lao động (T1)	62.5%	
10:00 PM	US	Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Đại học Michigan (T2)	71.1	71.8
8/2/25				
8:30 AM	CN	<b>CPI YoY (T1)</b>	<b>0.1%</b>	<b>0.0%</b>
	CN	CPI MoM (T1)	0.0%	0.2%
	CN	PPI YoY (T1)	-2.3%	-2.4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg.  
Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

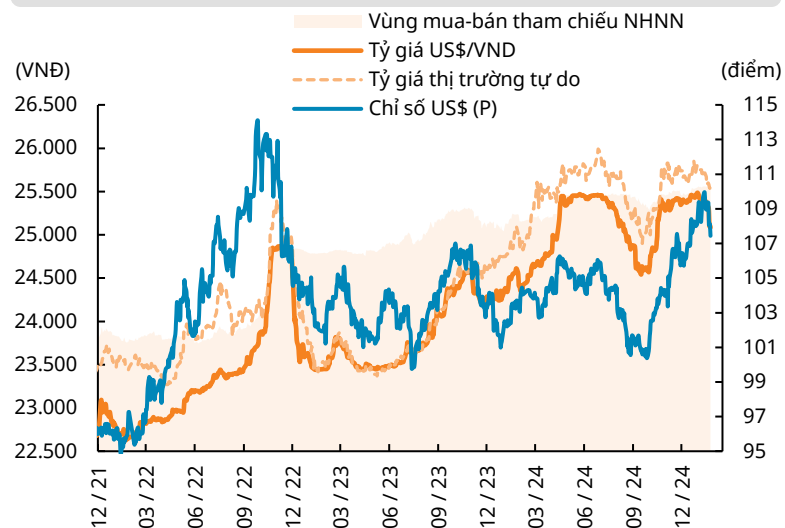


## ② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

### Tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt

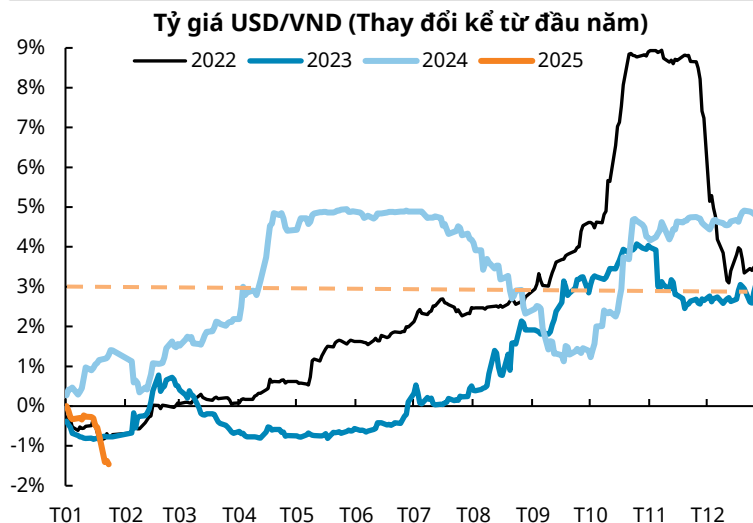
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt 29,85 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn là 14 ngày và lãi suất 4%. Bên cạnh đó, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt 133,6 nghìn tỷ đồng với lãi suất 4% trên hai kỳ hạn gồm 14 ngày và 21 ngày.
- Tính đến ngày 24/01, tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận 25.300, hạ nhiệt đáng kể so với tuần trước với mức thay đổi của tỷ giá tính từ đầu năm hiện ghi nhận mức giảm -0,98%. Bên cạnh đó, tỷ giá trên kênh liên ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt rõ rệt với mức mất giá so với đầu năm hiện ghi nhận -1,46%.
  - Diễn biến thuận lợi của tỷ giá trong tuần qua phần nào được củng cố bởi diễn biến đảo chiều về kỳ vọng đối với lộ trình hạ lãi suất của Fed trong năm 2025 (DXY giảm 1,77% WoW trong giai đoạn từ ngày 20/01 đến 24/01) với CPI và PCE cơ bản của Mỹ duy trì ổn định và có phần hạ nhiệt nếu loại bỏ các yếu tố biến động trong ngắn hạn như giá thực phẩm và xăng dầu.
  - Tuy nhiên, áp lực tỷ giá dự kiến vẫn là một yếu tố cần theo dõi trong nửa đầu năm 2025 khi lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed vẫn còn nhiều thách thức; đặc biệt khi Tổng thống Donald Trump đã chính thức kích hoạt Thương chiến 2.0 với phát súng mở đầu khi gia tăng thuế quan đối với các mặt hàng tiêu dùng, ô tô, và xăng dầu nhập khẩu đến từ Mexico và Canada (chiếm 71% lượng dầu nhập khẩu hằng năm của Mỹ); qua đó gia tăng áp lực lạm phát.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



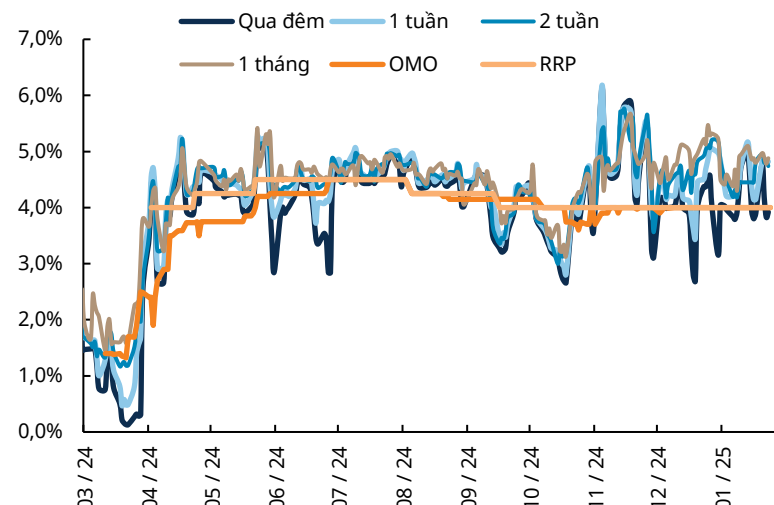
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 24/01/2025.

Biến động của tỷ giá so với thời điểm đầu năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.

Lãi suất liên ngân hàng (VNIBOR)



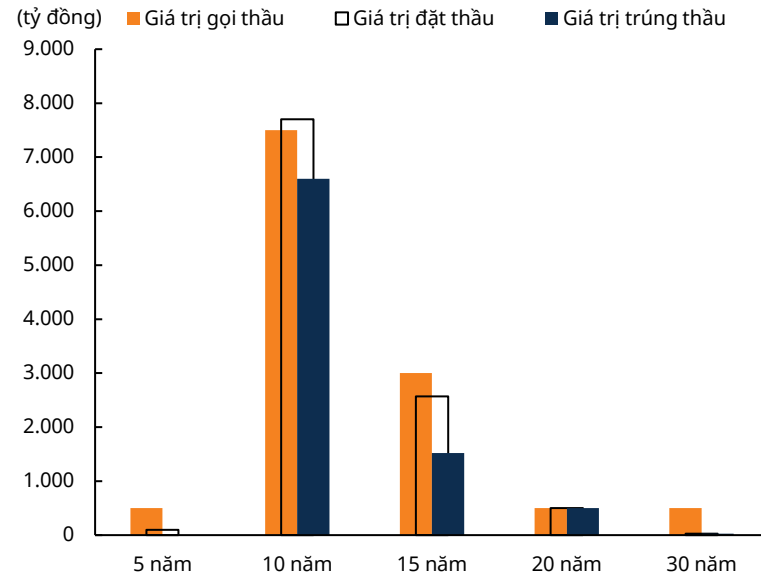
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 24/01/2025.

## ② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

### Trái phiếu chính phủ

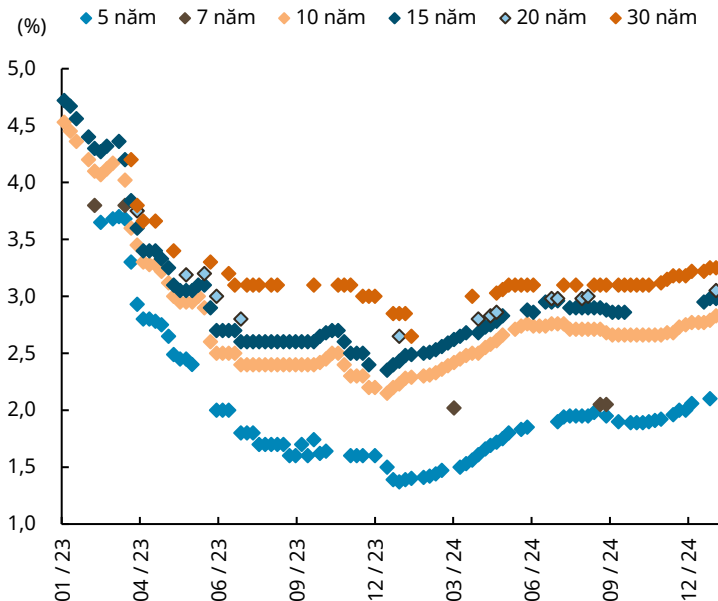
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
  - Trong ngày 22/01, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động thành công 8.645 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với gần 72% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 0,91x.
  - Kết quả đấu thầu như sau: 10 năm (6.600 tỷ đồng), 15 năm (1.520 tỷ đồng), 20 năm (500 tỷ đồng), và 30 năm (25 tỷ đồng).
  - Lợi suất trúng thầu tăng nhẹ đối với kỳ hạn 10 năm và 20 năm. Cụ thể: 10 năm (2,83%, +4 bps), 15 năm (2,98%), 20 năm (3,05%, +5 bps), 30 năm (3,25%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu giảm đều trên mọi kỳ hạn.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (2,025%, -0,4 bps); 2 năm (2,046%, -2,9 bps); 5 năm (2,334%, -6,5 bps); 7 năm (2,553%, -7,8 bps); 10 năm (2,995%, -7,5 bps); 15 năm (3,184%, -6,1 bps); 20 năm (3,274%, -0,4 bps); 30 năm (3,358%, -1,3 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



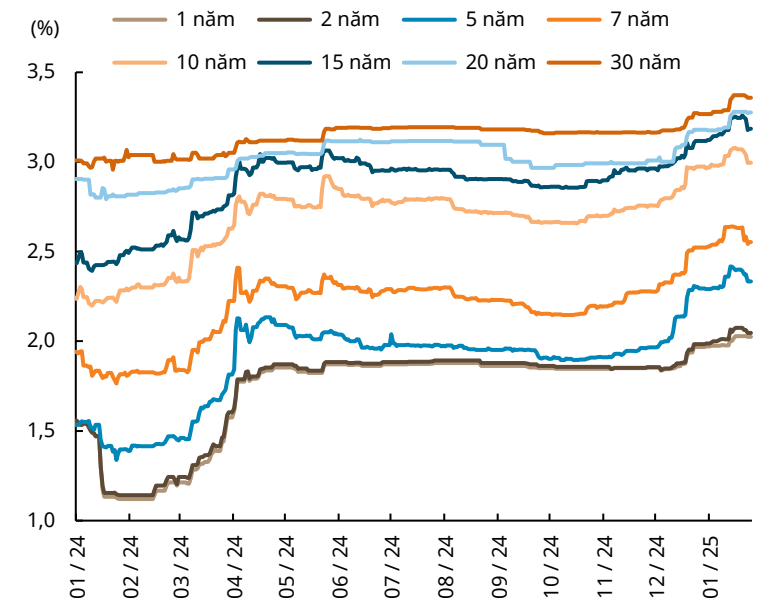
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 22/01/2025.

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 22/01/2025.

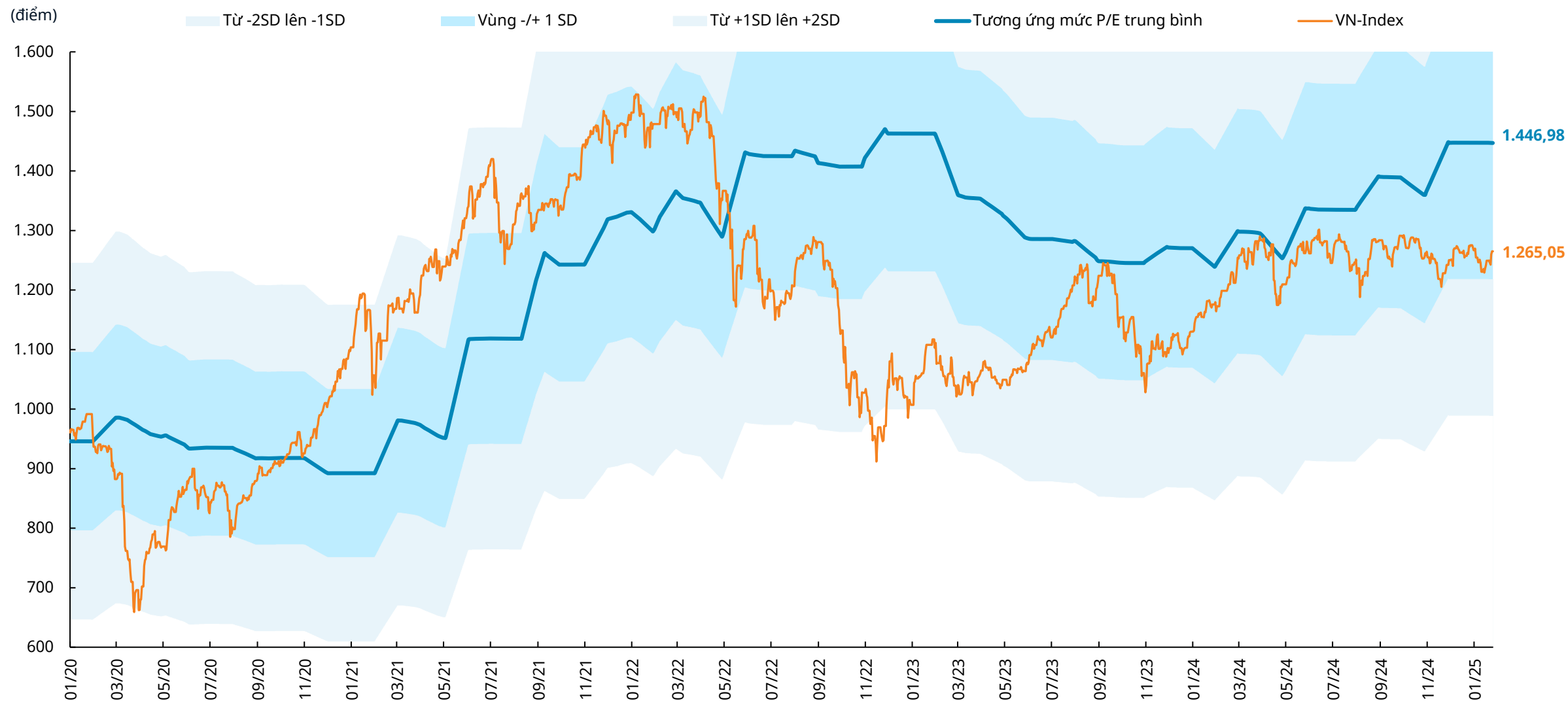
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 24/01/2025.

### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

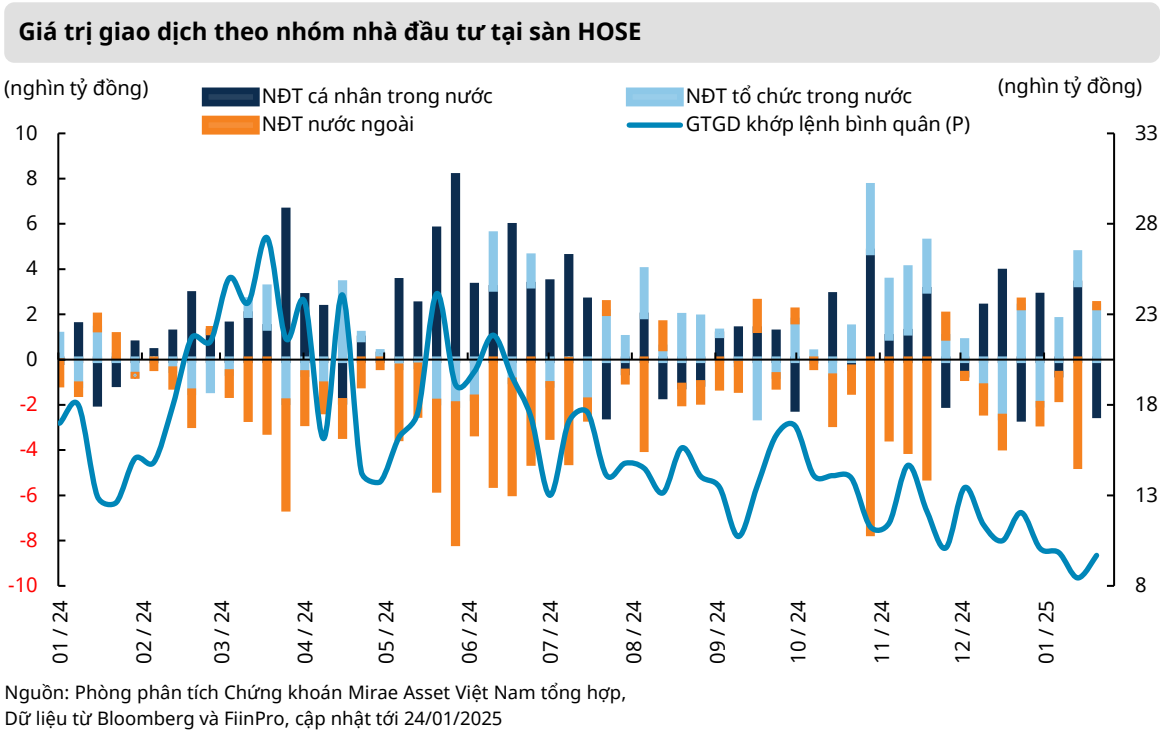


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025

### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

#### Thanh khoản cải thiện trước kỳ nghỉ Tết

- Đối với tuần giao dịch cuối cùng trước thềm Tết Nguyên Đán, thanh khoản có sự cải thiện đáng kể dẫn dắt bởi sắc xanh lan tỏa trong hai phiên giao dịch cuối tuần vào ngày 23/01 và 24/01. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 9,6 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (+15% WoW) dù nhìn chung vẫn duy trì ở mức thấp.
- Khối ngoại mua ròng gần 0,12 nghìn tỷ đồng tuần qua, giảm lượng bán ròng kể từ đầu năm về 6,49 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, phần lớn lượng mua ròng tập trung tại LPB (374 tỷ), HDB (228 tỷ) và SSI (101 tỷ) trong khi khối ngoại bán ròng đối với FPT (-190 tỷ), FRT (-289 tỷ).
- Bên cạnh đó, **nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước mua ròng 3,43 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, Tự doanh đồng thời có sự quan tâm nhất định đối với cổ phiếu LPB khi ghi nhận giá trị mua ròng 446 tỷ đồng đối với cổ phiếu này trong bối cảnh LPB chính thức tham gia rổ VN30 và thay thế vị trí của POW. Nhìn chung, Tự doanh mua ròng 1.185 tỷ đồng với tâm điểm xoay quanh các cổ phiếu như TCB (+170 tỷ), CTG (+134 tỷ), STB (+131 tỷ).
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF rút ròng 142 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm đạt khoảng 609 tỷ đồng tính đến ngày 24/01.** Trong đó, phần lớn lượng rút ròng đến từ VanEck Vietnam (-73 tỷ), Xtrackers FTSE Vietnam (-32 tỷ), và DCFVMVN Diamond (-32 tỷ).



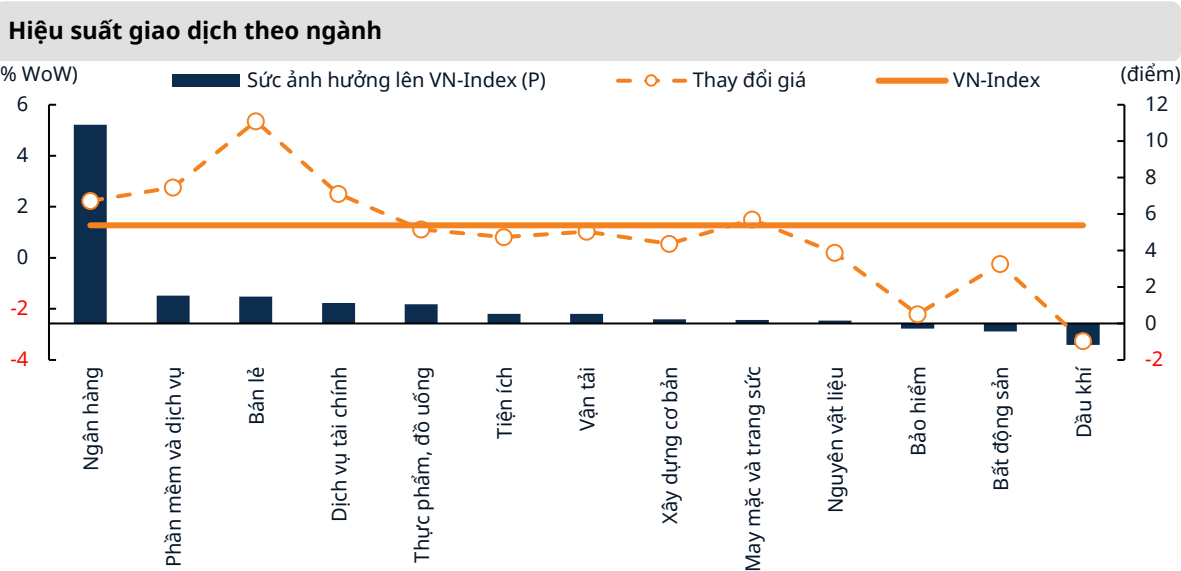
Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	3/1/2025	10/1/2025	17/1/2025	24/1/2025	
VN-Index				15%	15%
Dầu khí				77%	-27%
Ngân hàng				69%	37%
Phần mềm và dịch vụ				46%	12%
Bán lẻ				38%	50%
Bảo hiểm				31%	-3%
Xây dựng cơ bản				31%	13%
Vận tải				23%	-9%
Dịch vụ tài chính				23%	9%
Thực phẩm, đồ uống				15%	19%
Tiện ích				15%	20%
May mặc và trang sức				15%	5%
Nguyên vật liệu				15%	6%
Bất động sản				8%	-5%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

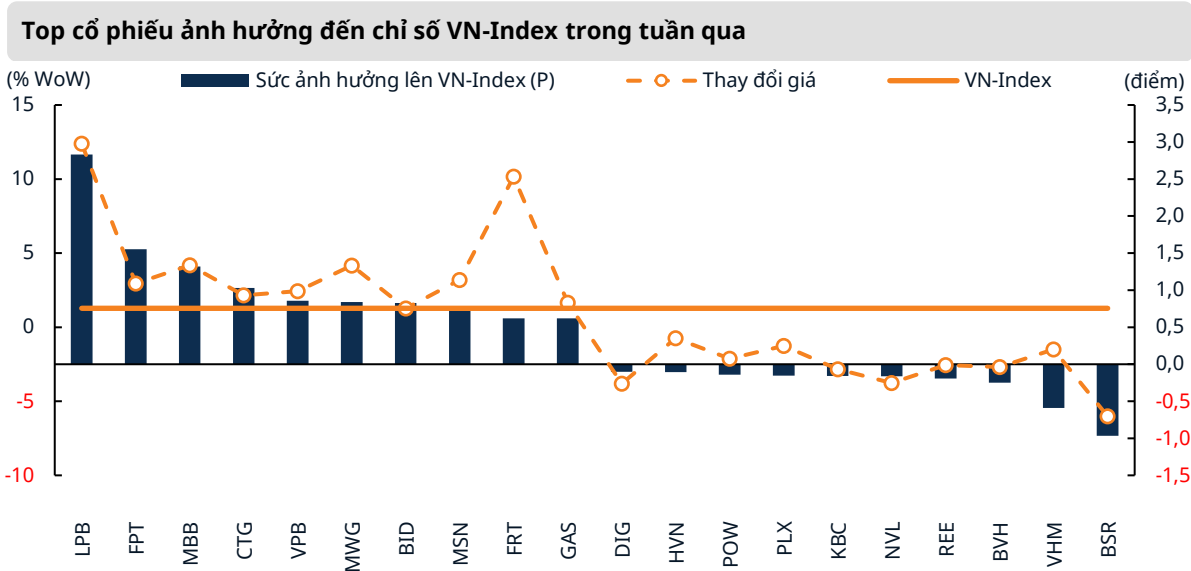
### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tiếp đà tăng trưởng, hướng về đỉnh mới

- Sắc xanh tiếp tục lan tỏa trong tuần giao dịch cuối cùng trước thềm Tết Nguyên Đán, giúp chỉ số VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ hai liên tiếp sau khi thiết lập vùng hỗ trợ tại 1.220 điểm. Trong đó, **chỉ số sàn HOSE tăng gần 16 điểm và đóng cửa tại 1.265,08 (+1,28% WoW)**.
- Trong đó, diễn biến giao dịch của tuần qua có phần tương đồng với tuần trước đó khi Ngân hàng tiếp tục là nhóm cổ phiếu đóng vai trò dẫn dắt thị trường với mức đóng góp gần 11 điểm đến đà tăng chung tại sàn HOSE do tỷ trọng vốn hóa đáng kể; bên cạnh là diễn biến tích cực đến từ một số cổ phiếu riêng lẻ như FPT (+2,95% WoW), MWG (+4,16% WoW), MSN (+3,19% WoW), và FRT (+10,16% WoW).
- Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:**
  - Trong kịch bản tích cực, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm và chinh phục vùng đỉnh gần nhất tại 1.280 điểm với động lực chính sẽ xoay quanh nhóm Ngân hàng và Bán lẻ.
  - Ở chiều ngược lại, các nhịp giảm điểm nhỏ sẽ là một yếu tố cần thiết giúp củng cố đà tăng trong trung hạn đối với chỉ số sàn HOSE. Đối với kịch bản này, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 1.250 điểm với áp lực giảm điểm có khả năng sẽ hình thành tại FPT do ảnh hưởng bởi tâm lý có phần bi quan xoay quanh các cổ phiếu công nghệ tại Mỹ đang chịu áp lực bán tháo bởi sự xuất hiện của mô hình ngôn ngữ lớn Deepseek đến từ chi phí nghiên cứu và phát triển cực thấp so với chi phí đến từ các gã khổng lồ về trí tuệ nhân tạo (AI) như OpenAI và Meta; đồng thời khiến nhà đầu tư chất vấn về tính hiệu quả của các mô hình nghiên cứu AI truyền thống cùng các khoản đầu tư khổng lồ liên quan đến việc mua GPU từ NVIDIA.



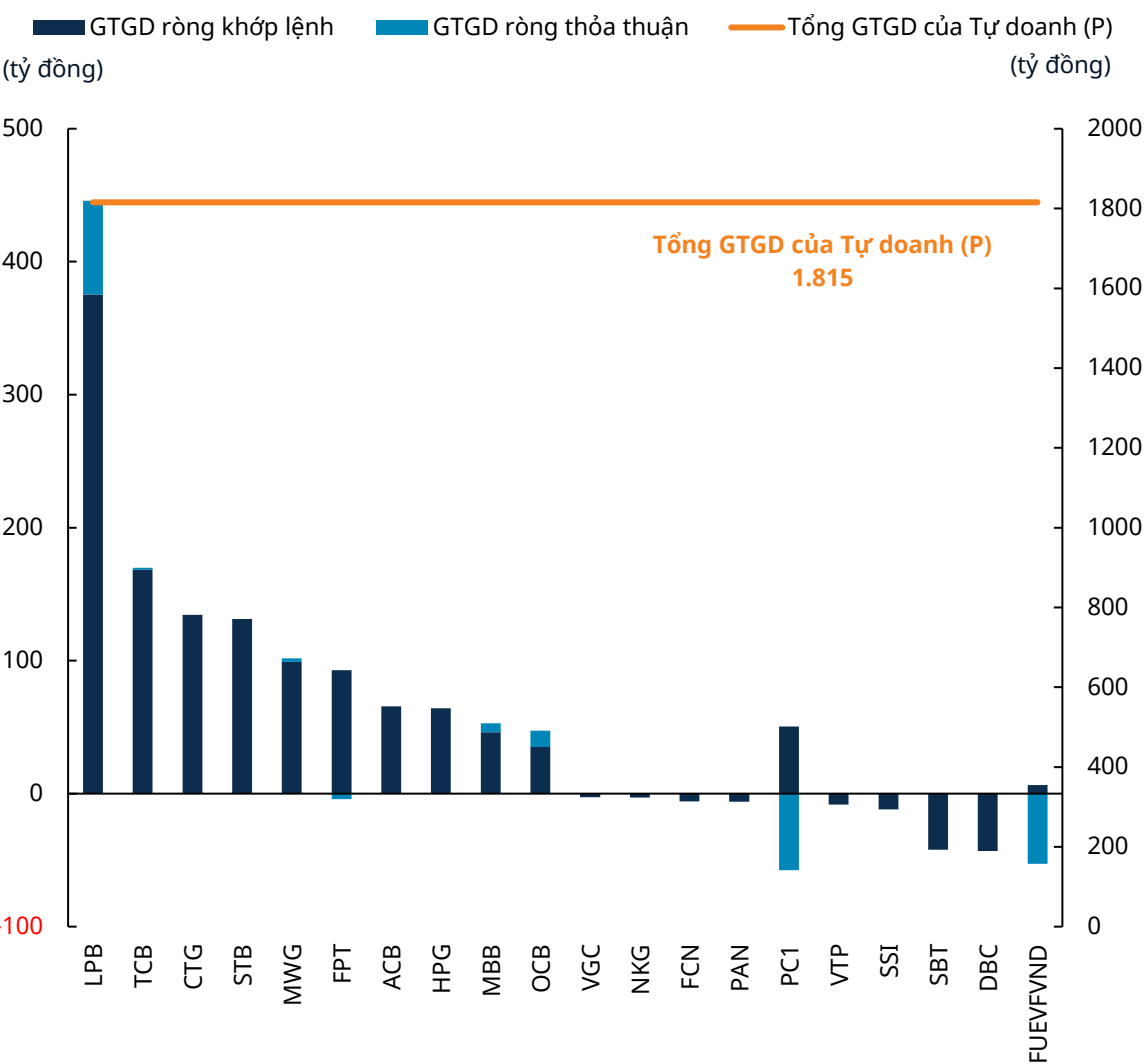
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/01/2025.

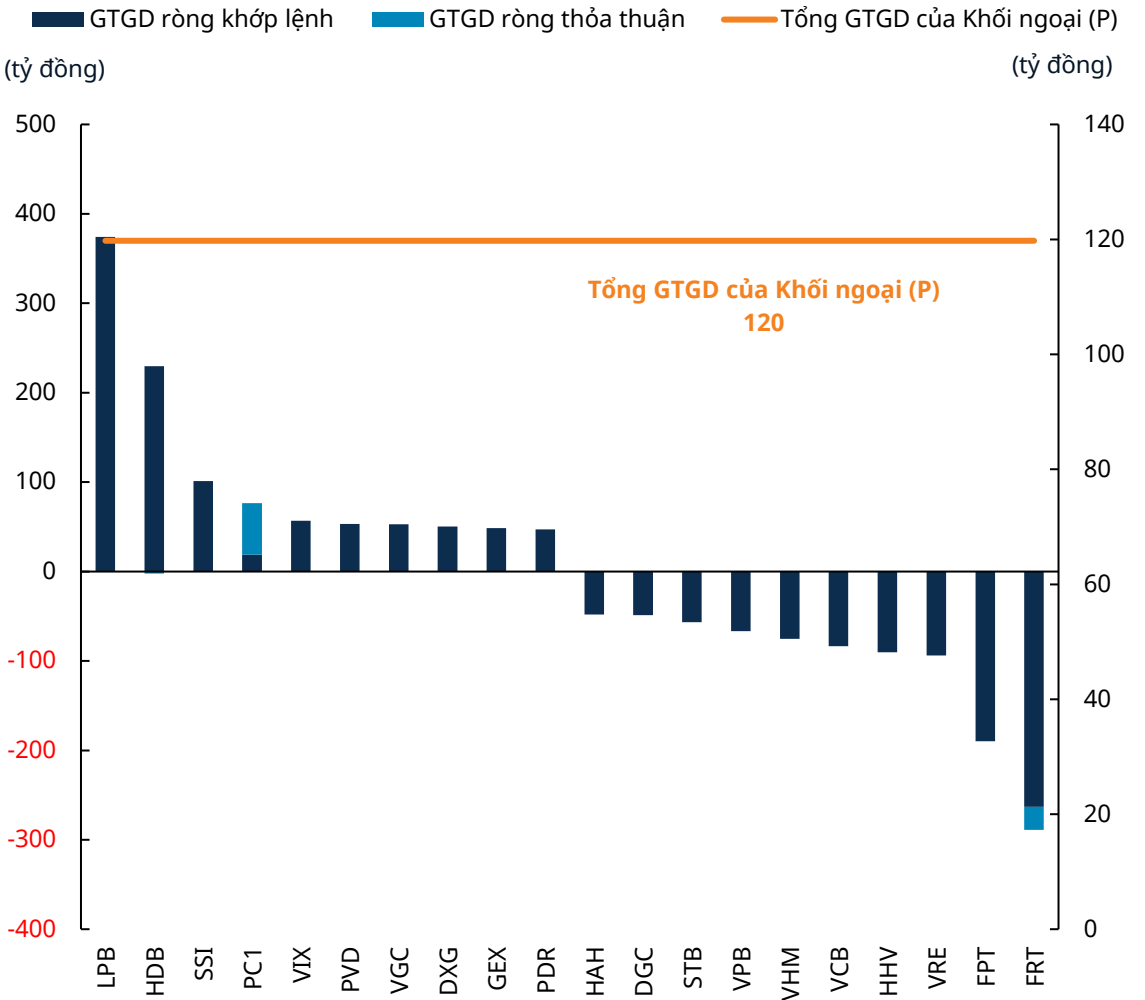
### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 24/01/2025.

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,  
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 24/01/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.279.801	1.265,05	1.305,02	1.165,99	0,43	1,28	0,37	7,9	14,8	1,7	12,5	16,42	24,48
VN30 Index		3.615.873	1.337,59	1.372,66	1.171,62	0,38	1,84	1,08	13,4	11,7	1,6	14,8	20,00	15,30
VN70 Index		1.032.046	1.907,77	2.031,02	1.709,22	0,87	2,68	0,91	9,2	18,1	1,5	8,8	13,96	34,70
VNFinLead Index		2.266.453	2.149,66	2.188,53	1.892,98	0,56	3,03	3,30	9,9	8,8	1,3	15,3	19,19	11,29
Ngân hàng	VCB	517.550	92.600	98.200	85.000	0,11	0,11	0,54	1,65	14,9	2,7	19,8	22,9	7,1
	BID	275.901	40.000	46.860	35.744	0,25	1,27	4,99	-1,02	11,2	2,1	18,9	16,8	13,2
	CTG	204.060	38.000	38.800	30.250	-0,26	2,15	4,97	18,75	9,5	1,5	16,5	26,9	3,1
	TCB	174.855	24.750	25.000	17.000	0,61	1,43	3,13	40,43	8,1	1,2	15,6	22,5	0,0
	VPB	149.951	18.900	20.950	17.800	0,00	2,44	-0,26	-3,82	9,5	1,1	11,4	25,1	5,0
	MBB	136.691	22.400	22.783	18.913	0,90	4,19	7,78	17,63	6,3	1,3	22,0	23,2	0,0
	ACB	113.230	25.350	26.500	22.478	0,20	1,60	1,40	12,99	6,7	1,4	21,7	30,0	0,0
	LPB	107.094	35.850	36.100	14.127	1,56	12,38	24,81	142,04	11,1	2,5	25,1	1,1	3,9
	HDB	79.163	22.650	25.000	17.542	1,12	0,67	-3,21	28,51	6,2	1,5	28,1	17,5	0,0
	STB	69.753	37.000	37.400	26.150	0,00	3,50	6,63	20,33	6,9	1,4	18,4	22,9	7,1
	VIB	61.519	20.650	21.368	17.308	0,98	4,03	8,40	15,88	8,6	1,5	18,1	5,0	0,0
	SSB	53.156	18.750	21.128	15.200	0,00	4,75	9,97	-7,80	11,3	1,6	15,0	0,1	4,9
	TPB	43.460	16.450	18.100	13.667	0,61	1,86	2,49	7,87	7,2	1,2	14,2	29,9	0,1
	SHB	37.723	10.300	12.350	10.150	0,49	0,98	0,49	-15,57	4,0	0,7	14,6	2,8	27,2
	EIB	34.553	18.550	21.600	15.187	1,09	1,37	-5,36	1,27	12,8	1,4	11,8	2,3	27,7
	MSB	28.990	11.150	13.200	10.077	0,90	2,29	-1,76	4,66	5,3	0,8	13,3	27,5	2,5
	OCB	27.617	11.200	13.333	10.200	2,75	5,16	2,75	-7,63	12,6	0,9	7,4	19,2	2,9
	NAB	23.196	16.900	17.750	12.240	3,05	3,05	7,30	36,29	6,0	1,3	22,7	1,2	28,8
Dịch vụ tài chính	SSI	49.537	25.250	31.461	23.500	0,40	2,85	-2,70	-7,70	17,1	2,0	12,6	39,7	60,3
	VCI	24.703	34.400	42.308	31.500	-0,29	6,01	2,08	4,61	24,1	2,3	10,2	25,1	74,9
	HCM	21.059	29.250	31.300	23.500	-0,17	2,63	1,21	11,64	19,9	2,0	11,1	44,4	4,6
	VND	18.268	12.000	21.653	11.400	0,00	-1,23	-5,88	-38,05	10,0	0,9	13,0	11,4	88,6
	VIX	14.425	9.890	14.131	9.098	3,24	4,44	-2,08	-14,73	18,2	0,9	5,3	5,6	94,4
	FTS	12.665	41.400	48.000	32.143	-0,48	1,22	-1,55	27,81	0,0	0,0	0,0	30,0	70,0
	SHS	10.408	12.800	20.900	10.800	0,00	4,92	-0,78	-30,43	0,0	0,0	0,0	2,4	46,6
	VDS	4.593	18.900	24.664	15.202	0,53	3,85	-9,13	23,60	15,2	1,7	11,3	3,3	96,7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.



③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	37.710	50.800	54.800	38.200	0,20	-2,68	-3,79	24,82	19,1	1,7	8,9	26,5	22,5
	MIG	3.356	16.900	21.664	15.334	0,60	-0,59	-8,40	-2,86	11,6	1,5	13,3	16,4	83,6
Nguyên vật liệu	HPG	169.820	26.550	29.950	24.750	-0,38	0,19	-0,56	3,38	13,9	1,5	11,5	21,5	27,5
	GVR	115.200	28.800	38.200	20.950	1,23	0,17	-6,19	37,80	33,5	2,2	6,7	0,3	12,7
	DGC	42.307	111.400	134.000	87.800	0,36	1,46	-5,99	24,75	15,1	3,2	22,4	17,8	31,2
	DCM	17.735	33.500	40.050	29.850	0,45	-0,59	-8,97	8,41	12,8	1,8	14,3	5,8	43,2
	DPM	13.540	34.600	39.950	31.050	0,58	0,87	-2,67	5,97	20,8	1,2	5,8	8,6	40,4
	HSG	10.836	17.450	25.600	17.150	0,29	-0,29	-6,43	-23,63	18,7	1,0	4,8	9,2	39,8
	PHR	7.046	52.000	65.900	48.250	-0,76	1,36	-2,99	7,88	18,3	1,8	10,4	18,0	31,0
	NKG	5.953	13.300	21.150	13.300	-1,48	-4,66	-10,14	-31,30	0,0	0,0	0,0	7,8	42,2
	TCI	1.056	9.130	12.140	7.560	0,00	4,10	3,16	-22,56	17,4	0,9	4,7	5,2	94,8
	VHM	162.243	39.500	46.000	34.600	0,00	-1,50	-2,11	-7,06	5,5	0,8	16,4	12,3	37,8
Bất động sản	VIC	154.476	40.400	48.700	40.150	0,00	-0,12	-0,49	-6,37	12,8	1,1	9,4	8,7	39,3
	BCM	71.726	69.300	74.000	50.700	1,91	0,14	2,06	11,77	36,0	3,7	15,3	2,2	31,8
	VRE	37.607	16.550	27.200	16.300	0,61	0,00	-2,93	-30,90	9,2	0,9	10,3	18,4	30,6
	KDH	35.137	34.750	35.950	27.727	0,58	1,02	-3,34	23,71	44,0	2,0	4,9	37,2	12,8
	KBC	22.261	29.000	35.900	24.600	-1,36	-2,85	5,07	-4,92	49,7	1,2	2,4	19,3	29,7
	VPI	18.883	59.000	59.900	45.583	-0,34	0,00	-0,84	28,26	0,0	0,0	0,0	11,2	37,8
	NVL	17.414	8.930	18.700	8.810	2,29	-3,77	-13,30	-46,53	N/A	0,5	-7,5	4,3	44,7
	SIP	17.158	81.500	86.800	60.870	-0,61	0,37	-3,55	38,65	16,2	4,1	28,4	4,6	44,4
	PDR	16.677	19.100	29.724	16.950	2,69	1,33	-5,45	-23,40	31,5	1,5	4,5	7,9	42,1
	DXG	13.280	15.250	19.475	12.040	0,66	1,67	-3,37	-15,89	82,3	1,1	1,3	19,5	30,5
	NLG	14.036	36.450	45.850	32.150	6,58	10,12	2,10	-4,71	48,7	1,5	3,2	43,6	6,4
	EVF	7.066	9.290	18.056	8.800	0,43	2,65	-4,42	-37,29	13,0	0,8	6,1	0,5	14,5
	IJC	5.137	13.600	16.950	12.876	0,74	0,00	-1,81	4,89	17,4	1,0	5,8	4,6	44,4
	NTC	5.225	217.700	240.000	179.500	-1,72	2,45	3,67	11,30	17,4	5,4	35,8	2,1	-2,1
	FMC	3.041	46.500	53.600	42.800	-0,21	0,32	-2,00	8,64	10,9	1,5	13,9	30,9	19,1
	LHG	1.745	34.900	43.700	30.500	0,00	0,72	-6,43	14,05	8,8	1,1	12,7	17,5	31,5
	VEA	52.753	39.700	50.900	35.200	1,28	1,02	0,51	10,28	8,5	2,1	24,6	1,9	47,1
Xây dựng cơ bản	REE	30.616	65.000	72.000	47.826	-1,37	-2,55	-3,70	31,60	16,8	1,7	10,4	49,0	0,0
	VGC	22.283	49.700	60.900	39.650	0,40	0,20	10,69	-1,58	20,2	2,7	13,7	4,9	44,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

#### Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	IDC	18.051	54.700	64.300	50.000	0,37	0,55	-2,32	8,32	9,0	3,2	37,7	22,6	26,4
	GEX	17.360	20.200	25.300	17.800	6,88	5,76	4,66	-5,83	10,6	1,3	8,0	6,2	43,8
	CTR	15.053	131.600	162.000	91.200	-1,35	2,02	5,28	42,12	28,4	8,9	30,2	9,7	39,3
	HUT	14.012	15.700	20.000	14.200	0,00	-1,26	-0,63	-19,49	0,0	0,0	0,0	1,4	48,7
	VCG	11.792	19.700	23.482	17.050	-0,51	0,77	14,20	-12,62	12,6	1,5	10,8	4,9	44,1
	DIG	10.794	17.700	33.950	17.450	-2,75	-3,80	-7,81	-34,08	103,2	1,4	0,4	4,3	44,7
	BMP	10.380	126.800	136.100	93.000	0,96	-0,47	-6,21	16,54	10,5	3,8	36,8	83,9	16,2
	TCH	10.157	15.200	21.650	12.800	5,56	7,04	0,66	18,29	10,4	1,1	10,8	5,3	45,7
	HDG	8.930	26.550	32.000	22.818	-0,93	-3,80	-11,50	13,20	13,4	1,4	11,2	19,6	30,4
	PC1	8.226	23.000	27.783	21.304	0,66	2,00	1,10	-6,04	19,3	1,5	8,1	14,0	36,0
	SZC	7.613	42.300	45.000	34.550	-0,94	0,71	-2,76	15,89	26,4	2,5	11,7	2,3	17,7
	CTD	7.325	73.300	78.100	61.000	0,14	-0,95	10,56	9,40	19,6	0,8	3,9	49,0	0,0
	DXS	3.880	6.700	8.680	5.500	0,60	-1,18	-6,94	-8,34	N/A	0,6	-0,2	18,9	31,1
	DPG	2.829	44.900	62.500	38.700	1,47	-1,54	-5,87	14,25	12,7	1,5	11,7	6,2	42,8
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	157.029	216.700	247.000	92.300	1,12	-4,03	-7,00	136,83	0,0	0,0	0,0	2,7	47,3
	VNM	129.995	62.200	75.600	61.300	0,32	0,32	-3,27	-7,58	15,5	4,0	26,3	51,3	48,7
	MSN	97.808	68.000	81.400	64.600	3,98	3,19	-3,13	2,72	51,3	3,2	7,0	26,4	22,6
	SAB	69.002	53.800	69.400	52.000	-0,37	0,75	-5,94	-10,78	16,1	2,8	17,2	60,7	39,3
	QNS	18.603	50.600	52.200	45.200	0,00	-0,59	-0,39	10,00	7,1	1,8	26,9	13,4	35,7
	KDC	17.012	58.700	62.624	49.600	0,34	-0,17	0,17	2,65	N/A	2,5	-6,7	18,0	32,0
	VHC	15.285	68.100	80.000	63.400	-1,30	1,49	-7,97	8,79	16,7	1,8	10,4	27,1	72,9
	SBT	10.019	12.300	12.636	9.727	0,41	3,80	5,70	-0,51	16,7	1,0	6,4	21,3	78,7
	DBC	8.501	25.400	32.304	21.765	-0,97	-4,69	-12,11	15,33	9,1	1,3	9,6	8,3	40,7
	PAN	5.243	25.100	25.700	20.100	-0,59	-1,18	6,36	24,26	8,8	1,0	12,1	19,5	29,6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

### ③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiện ích	GAS	159.067	67.900	83.725	66.600	1,34	1,65	-0,44	-8,63	15,5	2,7	18,5	1,7	47,3
	POW	26.932	11.500	15.300	10.450	0,44	-2,13	-4,56	0,88	19,8	0,8	4,3	3,7	45,4
	BWE	10.315	46.900	48.050	35.789	-0,21	1,52	0,43	27,91	19,4	1,9	10,5	11,6	37,5
	QTP	6.075	13.500	17.700	13.500	-1,46	-2,17	-7,53	-8,16	9,9	1,1	10,7	0,9	48,1
	NT2	5.642	19.600	26.500	18.300	-0,25	-1,01	-5,08	-23,14	25,6	1,4	5,3	13,7	35,3
Dầu khí	PLX	50.188	39.500	51.700	34.500	-0,25	-1,25	2,73	14,00	18,3	2,0	11,9	17,4	2,6
	PVS	15.773	33.000	47.300	31.800	-1,20	1,23	-2,08	-10,57	14,6	1,2	8,3	19,4	29,6
	PVD	13.119	23.600	34.300	22.100	0,21	1,29	0,00	-14,80	24,2	0,8	4,5	9,8	39,2
	PVT	9.292	26.100	32.000	23.636	-0,95	-2,25	-8,42	7,33	8,6	1,2	15,2	12,5	36,5
May mặc và trang sức	PNJ	32.980	97.600	109.600	87.700	0,51	2,52	0,41	9,17	15,5	3,1	20,2	49,0	0,0
	TCM	4.319	42.400	53.600	36.273	-0,24	-1,17	-11,48	15,88	0,0	0,0	0,0	50,0	0,0
	PTB	4.177	62.400	76.500	53.900	1,96	-0,16	-5,74	11,83	12,6	1,5	11,9	23,5	1,5
	MSH	3.901	52.000	53.900	36.700	0,78	2,97	-2,62	40,92	11,5	2,0	18,5	4,6	44,4
Bán lẻ	MWG	87.835	60.100	70.200	43.950	1,52	4,16	-1,96	35,36	23,6	3,2	14,6	45,9	3,1
	FRT	28.066	206.000	209.400	104.100	3,78	10,16	12,81	107,24	265,8	15,5	6,0	36,6	12,4
	DGW	8.328	38.000	53.769	37.300	1,20	0,80	-8,21	-7,84	0,0	0,0	0,0	19,5	29,5
Phần mềm và dịch vụ	FPT	225.662	153.400	154.500	82.870	-0,58	2,95	1,99	85,69	28,6	7,6	28,6	45,0	4,0
	CMG	9.954	47.100	67.207	34.685	-0,84	-0,74	-4,94	33,20	30,4	3,7	12,4	35,3	14,7
Truyền thông	FOX	52.945	107.500	115.000	54.600	-1,47	8,37	10,71	94,04	24,7	6,0	26,2	0,0	0,0
	TTN	926	25.200	26.000	8.300	-1,18	2,02	10,53	203,61	32,6	2,1	6,4	1,0	48,0
Vận tải	ACV	264.499	121.500	138.000	68.500	-0,41	-0,82	-3,57	83,26	36,6	5,3	18,0	3,5	45,5
	VJC	54.053	99.800	119.400	98.000	0,81	0,81	-1,19	-4,68	39,7	3,2	8,5	13,1	16,9
	GMD	26.453	63.900	73.671	57.914	3,06	3,06	-2,74	6,88	17,2	2,6	14,7	45,6	3,4
	HAH	6.031	49.700	52.500	32.609	-1,19	-4,61	-2,17	47,69	7,6	2,0	14,2	13,9	16,1
	VIP	965	14.100	17.150	10.800	-0,35	-0,70	-6,00	22,08	14,8	0,8	5,2	9,7	39,3
Dịch vụ thương mại	TLG	5.447	63.000	71.800	41.773	5,18	2,77	-11,02	43,03	13,1	2,3	18,2	22,7	77,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 24/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

# Phụ lục

## Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

# Mirae Asset Securities International Network

<b>Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)</b> One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea   Tel: 82-2-3774-2124	<b>Mirae Asset Securities (HK) Ltd.</b> Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong   Tel: 852-2845-6332	<b>Mirae Asset Securities (UK) Ltd.</b> 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom   Tel: 44-20-7982-8000
<b>Mirae Asset Securities (USA) Inc.</b>  810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA   Tel: 1-212-407-1000	<b>Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.</b>  555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA   Tel: 1-213-262-3807	<b>Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM</b>  Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil   Tel: 55-11-2789-2100
<b>PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia</b> District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia   Tel: 62-21-5088-7000	<b>Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.</b> 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore   Tel: 65-6671-9845	<b>Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC</b> 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam   Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
<b>Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC</b>  #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia   Tel: 976-7011-0806	<b>Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd</b>  2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China   Tel: 86-10-6567-9699	<b>Beijing Representative Office</b>  2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China   Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
<b>Shanghai Representative Office</b>  38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China   Tel: 86-21-5013-6392	<b>Ho Chi Minh Representative Office</b>  7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam   Tel: 84-8-3910-7715	<b>Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited</b>  Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India   Tel: 91-22-62661336